

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRIDENT ARTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TRIDENT ARTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRIDENT ARTS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRIDENT ARTS., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502485071

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

C9 Phan Huy Chú, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0349518890

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                         | 4322        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa                                                | 4610        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                            | 4632        |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                        | 4653        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng | 4659(Chính) |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                       | 4663        |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                              | 8292        |
| 8.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                | 7120        |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                        | 7710        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                             | 4690        |
| 11. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4722        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                           | 4931        |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                              | 4932        |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                | 4933        |
| 15. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                       | 5012        |
| 16. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                           | 5022        |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                   | 5210        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                     | 5222        |
| 19. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                              | 5224        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ logistic                                                                      | 5229 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                     | 5510 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                              | 5610 |
| 23. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                      | 5621 |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác               | 7730 |
| 25. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                    | 7820 |
| 26. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                            | 7830 |
| 27. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                | 7911 |
| 28. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                         | 7912 |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990 |
| 30. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                       | 8110 |
| 31. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                         | 8121 |
| 32. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                             | 8129 |
| 33. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                         | 8130 |
| 34. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                         | 8211 |
| 35. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                    | 3312 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                        | 3314 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                        | 3319 |
| 38. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                       | 3320 |
| 39. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                             | 4101 |
| 40. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                       | 4102 |
| 41. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4299 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                         | 4321 |
| 43. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI HUY<br>HOÀNG NAM | 75/4 Phạm Hồng<br>Thái, Phường 7,<br>Thành phố Vũng<br>Tàu, Tỉnh Bà Rịa<br>- Vũng Tàu, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 45.000        | 450.000.000              | 5,000        | 0770940013<br>61                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Tổng số                            | 45.000        | 450.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRỊNH MINH<br>CÔNG   | 202 Lê Hồng<br>Phong, Phường 4,<br>Thành phố Vũng<br>Tàu, Tỉnh Bà Rịa<br>- Vũng Tàu, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 810.000       | 8.100.000.000            | 90,000       | 0770940119<br>78                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                    | Tổng số                            | 810.000       | 8.100.000.000            | 90,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                   |                           |        |             |       |              |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ĐỨC HUỖNH | 164 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 5,000 | 077095001026 |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                   | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 5,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH MINH CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/02/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077094011978

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính Về Trật Tự Xã Hội

Địa chỉ thường trú: 202 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 202 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu